

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN tiếp tục phát hành hợp đồng mua kỳ hạn khi nhu cầu vốn vẫn tiếp diễn

NHNN tăng cường bơm ròng

Trong tuần 45 năm 2025 (từ ngày 03 đến 07 tháng 11), NHNN tiếp tục thực hiện bơm ròng thanh khoản nhằm bù đắp lượng tiền bị hút ra từ các hợp đồng mua lại đáo hạn. Cụ thể, NHNN đã bơm tổng cộng 29.47 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng, chủ yếu thông qua nghiệp vụ thị trường mở, bằng cách phát hành 101.67 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn mới để bù đắp cho 72.19 nghìn tỷ đồng đã đáo hạn.

Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt

Tuần này trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất đã tăng đồng loạt trên tất cả các kỳ hạn, đảo ngược sự phân hóa đã thấy trong tuần trước. Cụ thể, các kỳ hạn giao dịch tích cực như qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) đã tăng mạnh lần lượt 120 điểm, 97 điểm, 73 điểm và 46 điểm cơ bản, lên mức 5.65%, 5.95%, 6.00% và 5.95%. Tương tự, lãi suất kỳ hạn 3 tháng (3M) và 6 tháng (6M) cũng tăng lần lượt 12 điểm và 60 điểm cơ bản, đạt 6.10% và 5.95%. Trong khi đó, khối lượng giao dịch trung bình giảm xuống còn 721.74 nghìn tỷ đồng, giảm 7.03% so với tuần trước.

USDVND hạ nhiệt

Tuần này, tỷ giá USDVND giảm nhẹ 0.02% (4 điểm phần trăm) do đồng bạc xanh suy yếu, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 99.6 (giảm 0.20%) vào thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, đồng đô la giảm giá trong bối cảnh các diễn biến xoay quanh khả năng chính phủ Mỹ mở cửa trở lại theo một dự luật chi tiêu tạm thời mới. Trong khi đó, các tranh luận tại Tòa án Tối cao về chính quyền của Tổng thống Donald Trump đã phần nào làm giảm bớt lo ngại về áp lực thuế quan mới. Trong nước, tỷ giá USDVND giảm xuống 26,310 vào thứ Sáu khi áp lực thị trường tiếp tục dịu bớt. Với việc NHNN duy trì bán USD kỳ hạn có thể hủy ngang và nguồn cung ngoại tệ ổn định từ kiều hối cuối năm, tỷ giá dự kiến sẽ duy trì ổn định trong thời gian tới.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	Corr.
FDI %n/n	9.6	8.8	10.1	12.5	6.8	11.4	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.5	8.3	8.6	10.4	11.0	7.2	-0.16
Xuất khẩu %n/n	17.0	16.3	16.0	14.5	24.7	17.5	-0.05
Nhập khẩu %n/n	14.1	20.2	17.8	17.7	24.9	16.8	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	0.6	2.8	2.3	3.7	2.8	2.6	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.2	0.5	0.1	0.0	0.4	0.2	-0.03
Tín dụng %n/n	18.8	19.2	19.1	19.9	19.6	18.8	-0.23
USDVND %t/t	0.1	0.3	0.4	0.6	0.3	-0.4	-0.3
PMI(Điểm)	49.8	48.9	52.4	50.4	50.4	54.5	-0.09
VNINDEX %t/t	8.7	3.3	9.2	12.0	-1.2	-1.3	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tăng cường bơm ròng.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt	3
III. Lợi suất TPCP tiếp tục tăng	4
IV. USDVND hạ nhiệt.....	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

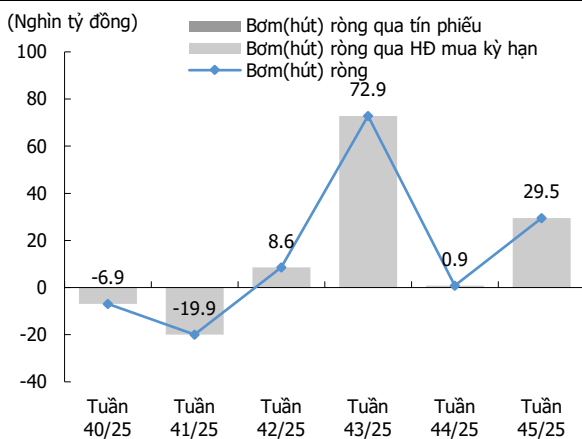
I. NHNN tăng cường bơm ròng

NHNN gia tăng bơm ròng thanh khoản để bù đắp lượng tín phiếu đáo hạn

Trong tuần 45 năm 2025 (từ ngày 03 đến 07 tháng 11), NHNN tiếp tục thực hiện bơm ròng thanh khoản nhằm bù đắp lượng tiền bị hút ra từ các hợp đồng mua lại đáo hạn. Cụ thể, NHNN đã bơm tổng cộng 29.47 nghìn tỷ đồng vào hệ thống ngân hàng, chủ yếu thông qua nghiệp vụ thị trường mở, bằng cách phát hành 101.67 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn mới để bù đắp cho 72.19 nghìn tỷ đồng đã đáo hạn.

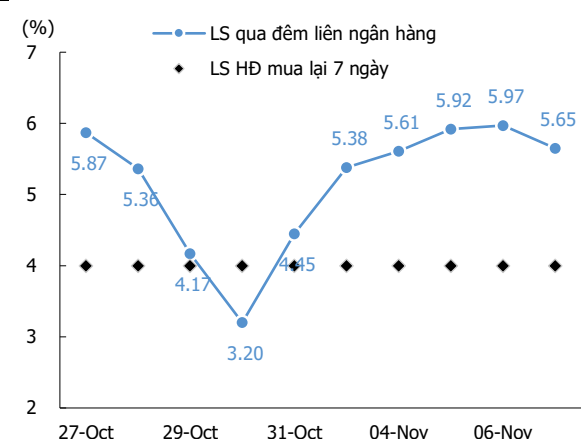
Sự gia tăng đáng kể về khối lượng bơm ròng cho thấy nhu cầu thanh khoản đang tăng lên khi thời điểm cuối năm đến gần, thúc đẩy NHNN tăng cường lập trường hỗ trợ nhằm ổn định các điều kiện vốn ngắn hạn. Trong thời gian tới, chúng tôi kỳ vọng ngân hàng trung ương sẽ tiếp tục duy trì sự thận trọng, đảm bảo đủ thanh khoản hệ thống để tạo điều kiện cho việc tăng tốc giải ngân tín dụng và đáp ứng các nhu cầu hoạt động thời vụ tăng cao trong những tháng cuối năm.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/25	11/11/25	7	3.00	4.00
5/11/25	12/11/25	7	3.63	4.00
6/11/25	13/11/25	7	5.50	4.00
7/11/25	14/11/25	7	4.88	4.00
Total		7	17.00	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/25	18/11/25	14	10.00	4.00
5/11/25	19/11/25	14	7.37	4.00
6/11/25	20/11/25	14	3.00	4.00
7/11/25	21/11/25	14	6.02	4.00
Total		14	26.39	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/25	2/12/25	28	6.00	4.00
5/11/25	3/12/25	28	17.91	4.00
6/11/25	4/12/25	28	11.48	4.00
7/11/25	5/12/25	28	4.88	4.00
Total		28	40.28	4.00

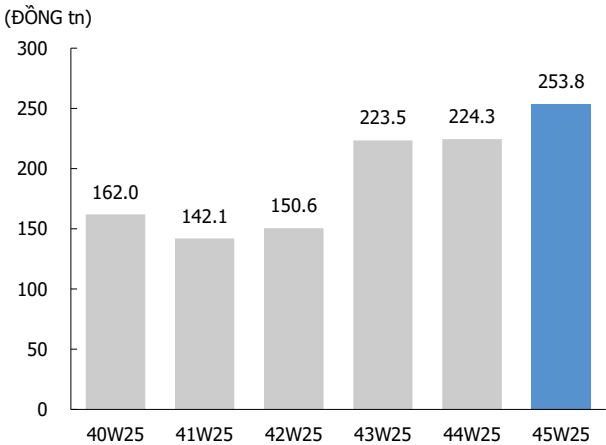
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 91 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
4/11/25	3/02/26	91	2.00	4.00
5/11/25	4/02/26	91	10.00	4.00
6/11/25	5/02/26	91	4.00	4.00
7/11/25	6/02/26	91	2.00	4.00
Total		91	18.00	4.00

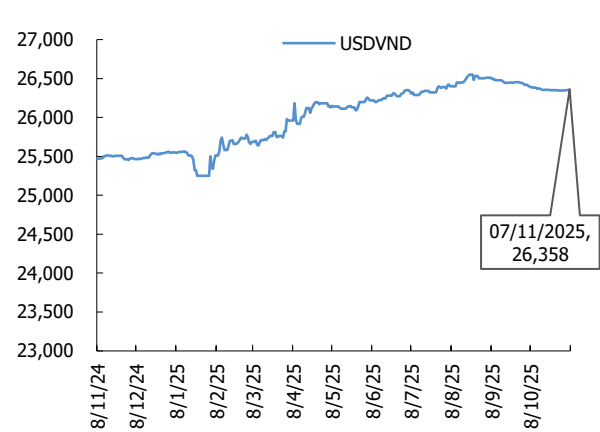
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

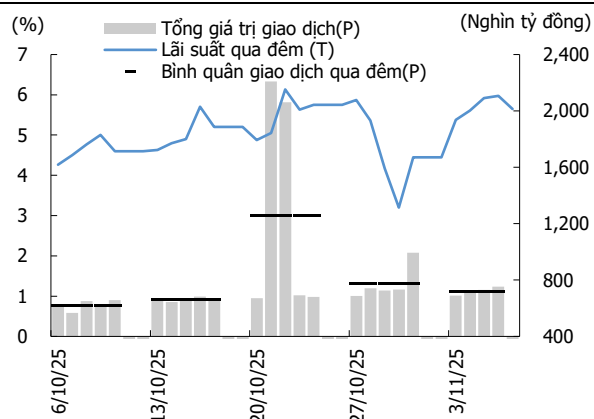
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt

Lãi suất tăng trên tất cả các kỳ hạn trong bối cảnh thanh khoản thắt chặt.

Tuần này trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất đã tăng đồng loạt trên tất cả các kỳ hạn, đảo ngược sự phân hóa đã thấy trong tuần trước. Cụ thể, các kỳ hạn giao dịch tích cực như qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M) đã tăng mạnh lần lượt 120 điểm, 97 điểm, 73 điểm và 46 điểm cơ bản, lên mức 5.65%, 5.95%, 6.00% và 5.95%. Tương tự, lãi suất kỳ hạn 3 tháng (3M) và 6 tháng (6M) cũng tăng lần lượt 12 điểm và 60 điểm cơ bản, đạt 6.10% và 5.95%. Trong khi đó, khối lượng giao dịch trung bình giảm xuống còn 721.74 nghìn tỷ đồng, giảm 7.03% so với tuần trước.

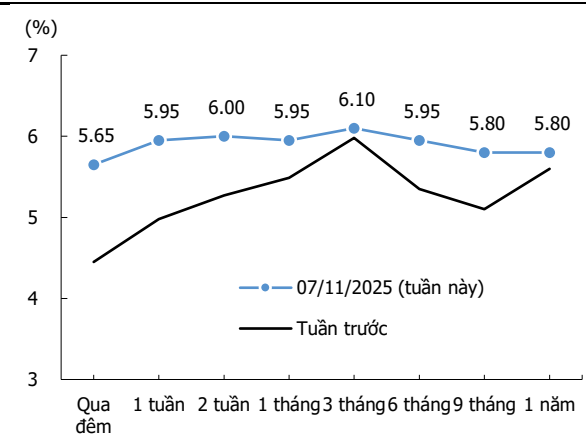
Những diễn biến này cho thấy điều kiện thanh khoản đã thắt chặt đáng kể trở lại, bất chấp các nỗ lực bơm ròng của NHNN. Việc lãi suất tăng trên diện rộng cho thấy nhu cầu vốn ngắn hạn đang rất mạnh, nhiều khả năng được thúc đẩy bởi áp lực mùa vụ cuối năm đang gia tăng và việc đẩy nhanh giải ngân tín dụng. Do đó, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục, hoặc thậm chí tăng cường, lập trường hỗ trợ thông qua các nghiệp vụ thị trường mở để quản lý các nhu cầu vốn đang tăng cao này trong những tuần tới.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



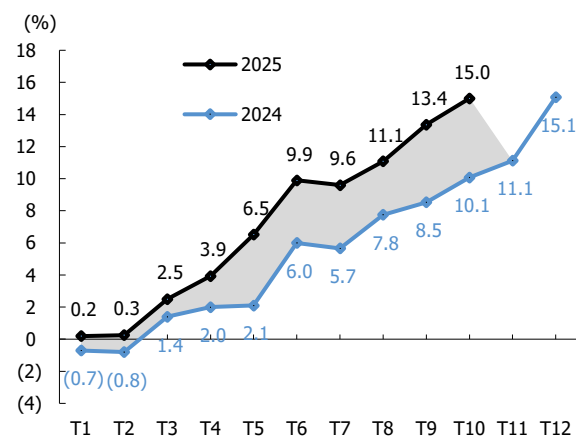
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



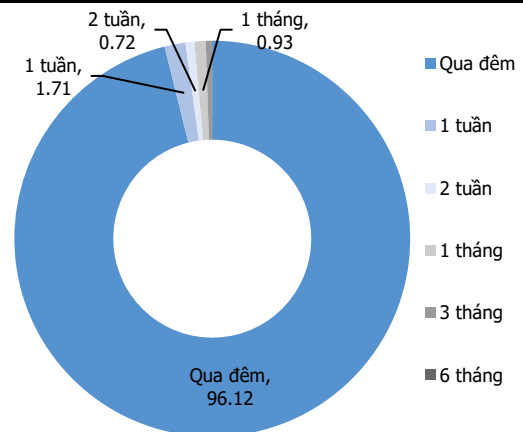
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Chú thích: Cập nhật đến ngày 31/10/2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



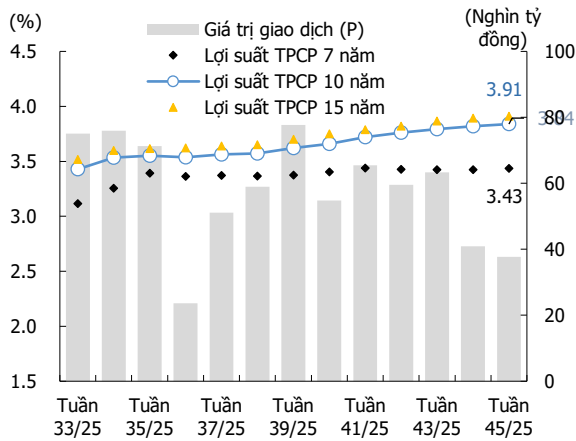
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP tiếp tục tăng

Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng trên tất cả các kỳ hạn

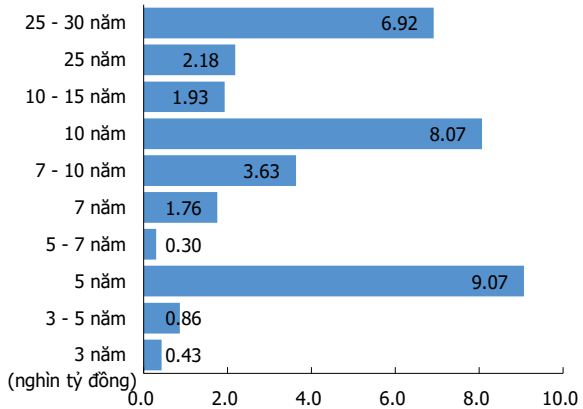
Trong tuần 45 năm 2025, lợi suất trái phiếu chính phủ trên thị trường thứ cấp đã tăng đồng loạt ở tất cả các kỳ hạn, đi kèm với sự sụt giảm mạnh về khối lượng giao dịch. Các kỳ hạn được giao dịch tích cực nhất ghi nhận mức biến động mạnh nhất, với lợi suất kỳ hạn 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm tăng lần lượt 1 điểm, 2 điểm, 2 điểm, 1 điểm và 1 điểm cơ bản, lên các mức 3.43%, 3.84%, 3.91%, 3.91% và 3.98%. Tổng giá trị giao dịch đạt 37.74 nghìn tỷ đồng, giảm 7.8% so với tuần trước và đạt trung bình 7.55 nghìn tỷ đồng mỗi ngày.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



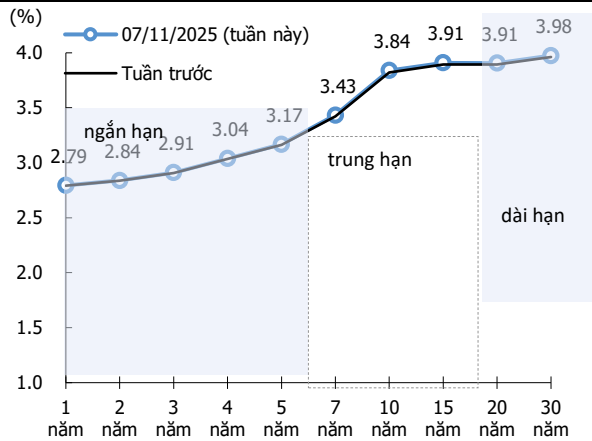
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



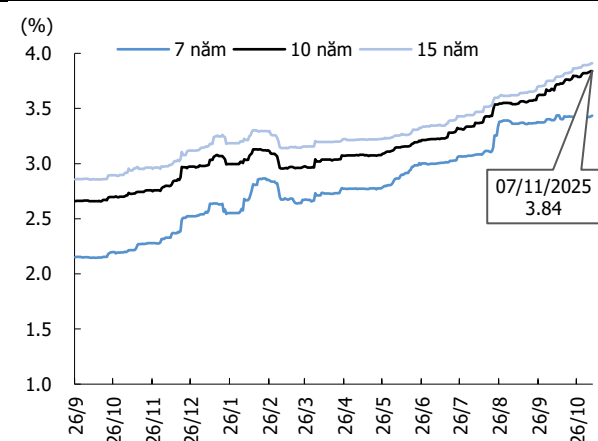
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

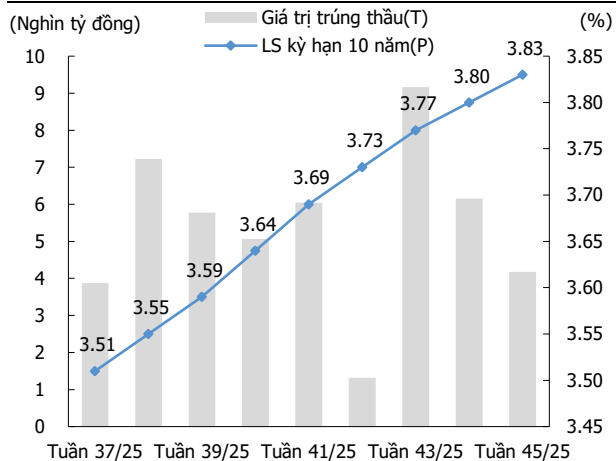
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

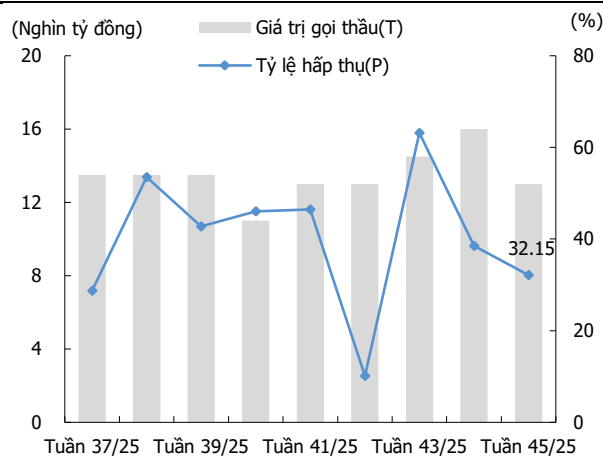
Trên thị trường sơ cấp, lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng 3 điểm cơ bản lên 3.83%, trong khi giá trị trúng thầu giảm đáng kể so với tuần trước. Tính đến nay, Kho bạc Nhà nước đã phát hành được 287.61 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 57.5% kế hoạch cả năm, thấp hơn nhiều so với tiến độ 77.2% cùng kỳ năm 2024. Với chỉ còn hai tháng nữa là hết năm 2025, áp lực phát hành đang ngày càng gia tăng, điều này có thể tiếp tục đẩy lợi suất TPCP lên cao hơn và thúc đẩy các nhà đầu tư bán thanh lý các trái phiếu kém thanh khoản trên thị trường thứ cấp.

Hình 7: Giá trị trúng thầu hàng tuần



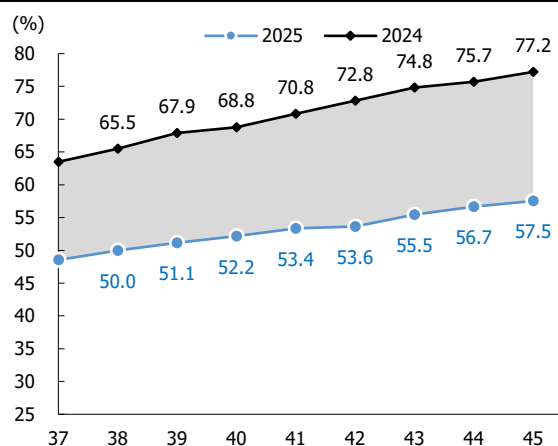
Nguồn: HNX, KIS

Hình 8: Hệ số hấp thụ hàng tuần



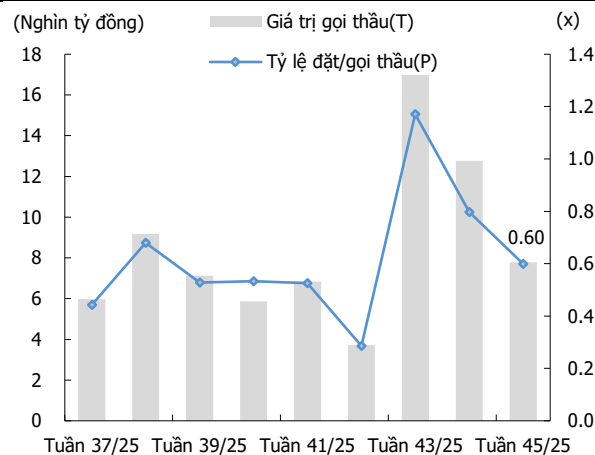
Nguồn: HNX, KIS

Hình 99: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



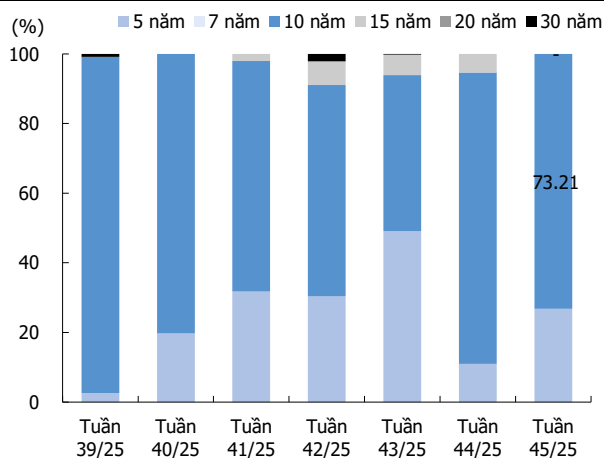
Nguồn: HNX, KIS

Hình 100: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



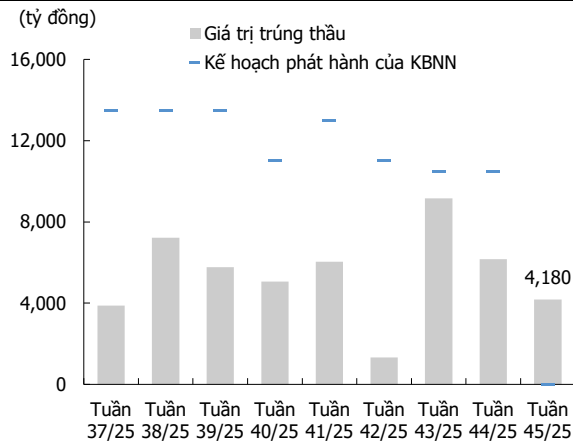
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 112: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

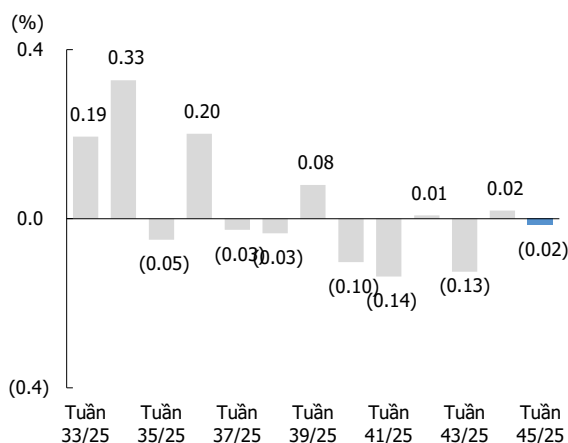
IV. USDVND hạ nhiệt

Tỷ giá USDVND tiếp tục đi ngang

Tuần này, tỷ giá USDVND giảm nhẹ 0.02% (4 điểm phần trăm) do đồng bạc xanh suy yếu, với chỉ số DXY đóng cửa ở mức 99.6 (giảm 0.20%) vào thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, đồng đô la giảm giá trong bối cảnh các diễn biến xoay quanh khả năng chính phủ Mỹ mở cửa trở lại theo một dự luật chi tiêu tạm thời mới. Trong khi đó, các tranh luận tại Tòa án Tối cao về chính quyền của Tổng thống Donald Trump đã phần nào làm giảm bớt lo ngại về áp lực thuế quan mới. Trong nước, tỷ giá USDVND giảm xuống 26,310 vào thứ Sáu khi áp lực thị trường tiếp tục dịu bớt. Với việc NHNN duy trì bán USD kỳ hạn có thể hủy ngang và nguồn cung ngoại tệ ổn định từ kiều hối cuối năm, tỷ giá dự kiến sẽ duy trì ổn định trong thời gian tới.

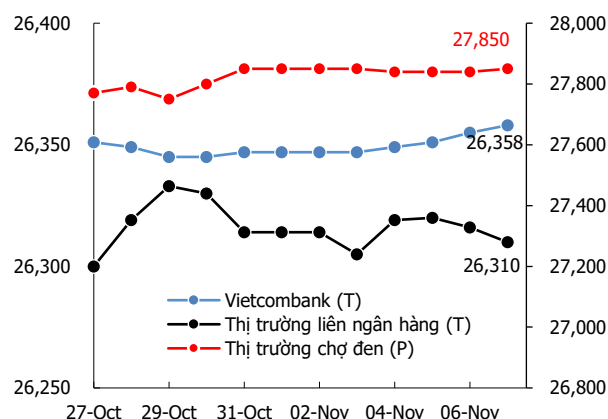
Trên các phân khúc thị trường ngoại hối, giá chào bán USD của Vietcombank giảm 0.04% (11 điểm phần trăm), trong khi tỷ giá trên thị trường tự do (chợ đen) vẫn giữ nguyên. Tính đến thứ Sáu, giá chào bán đứng ở mức 26,358 tại Vietcombank và 27,850 trên thị trường tự do.

Hình 123: Diễn biến của USDVND theo tuần



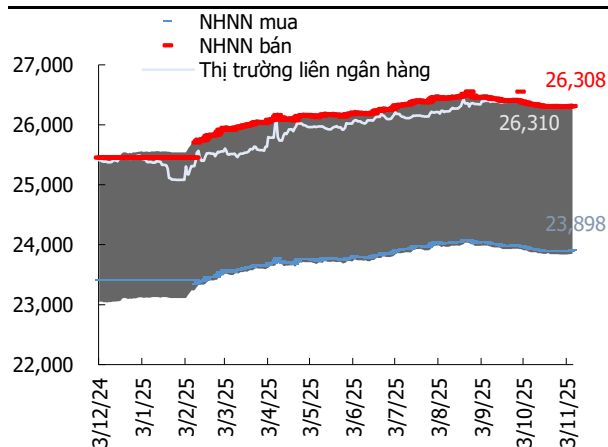
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 134: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



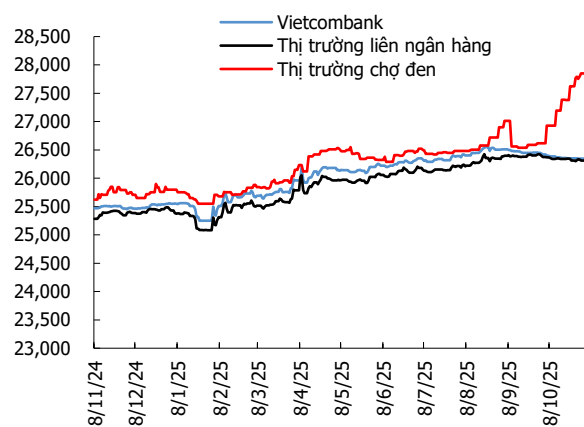
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 14: Diễn biến giao dịch của NHNN



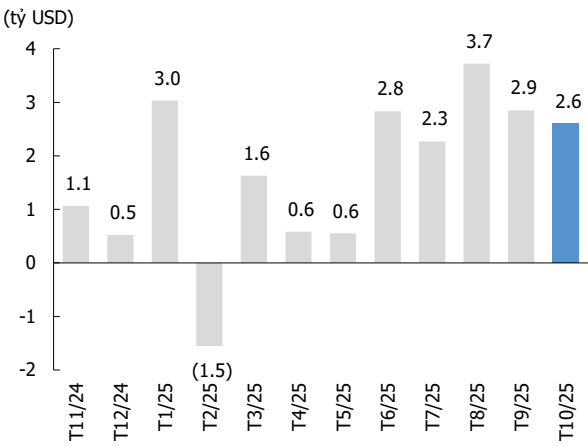
Nguồn: SBV, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 15: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



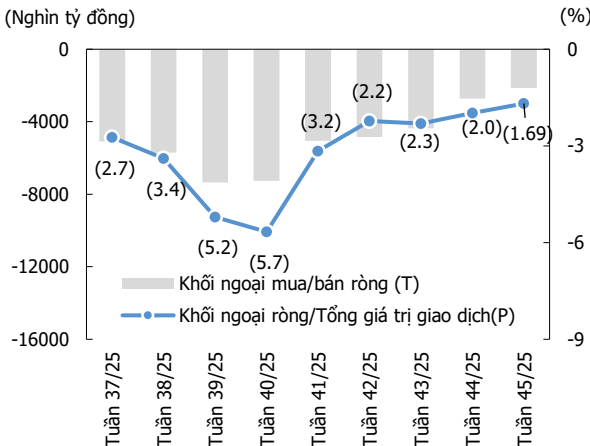
Nguồn: SBV, Bloomberg, KIS

Hình 16: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



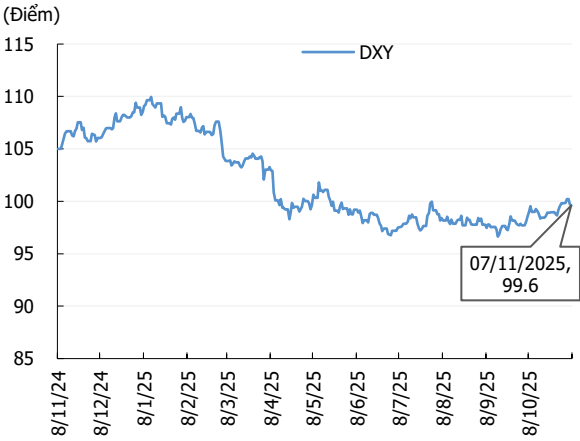
Nguồn: GSO, KIS
Chú thích: Cập nhật đến ngày 6/11/2025

Hình 17: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 18: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 19: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		43W25	44W25	45W25	2025 YTD
Trung Quốc	USDCNY	-0.06	-0.04	0.04	-2.43
EU	USDEUR	0.24	0.78	-0.25	-10.48
Mexico	USDMXN	0.45	0.53	-0.55	-11.15
Việt Nam	USDVND	-0.13	0.02	-0.02	3.23
Canada	USDCNY	-0.17	0.10	0.24	-2.65
Thượng Hải	USDTWD	0.46	-0.23	0.98	-5.62
Nhật Bản	USDJPY	1.49	0.74	-0.37	-2.40
Hàn Quốc	USDKRW	1.20	-0.64	2.20	-0.71
Thái Lan	USDTHB	0.34	-1.32	0.02	-5.13
DXY	Chỉ số đồng USD	0.53	0.86	-0.20	-8.19

Nguồn: SBV, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						7.55	7.05	8.19	8.23	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	3.14	2.57	2.05	2.40	2.98	13.44	10.98	10.54	7.02	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.20	2.22	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	39.49	42.27	43.39	42.67	42.05	105.9	102.84	110.62	118.38	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	36.66	40.00	39.67	39.82	39.45	101.9	99.68	118.83	120.19	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	16.31	15.95	14.50	24.73	17.48	11.46	10.64	10.62	18.38	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	20.16	17.77	17.71	24.88	16.83	14.91	17.03	18.83	20.19	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	3.57	3.19	3.24	3.38	3.25	2.87	3.22	3.31	3.27	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/ĐỒNG	26,121	26,199	26,345	26,427	26,315	25,386	25,565	26,121	26,427	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.48	19.12	19.91	19.61	18.77	13.8	16.3	17.48	19.61	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	3.34	3.45	3.69	3.76	3.95	2.94	3.06	3.34	3.76	2.11	5.08	2.39	2.94

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Hình 1. Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2022	2023	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25
Cán cân vãng lai	(1.1)	25.1	4.5	7.8	7.5	4.0
Hàng hóa: Xuất khẩu	371.3	354.7	97.9	108.2	105.9	102.8
Hàng hóa: Nhập khẩu	345.6	310.7	89.3	94.6	97.0	94.9
Hàng hóa ròng	25.7	44.0	8.5	13.6	8.9	7.9
Dịch vụ: Xuất khẩu	12.9	19.6	5.5	5.9	6.6	7.6
Dịch vụ: Nhập khẩu	25.5	29.1	8.3	9.8	9.6	9.2
Thu nhập sơ cấp: Thu	2.3	4.6	1.4	1.4	1.4	1.3
Thu nhập sơ cấp: Chi	22.0	27.0	5.4	6.1	3.8	7.2
Thu nhập thứ cấp: Thu	12.2	16.1	3.8	3.9	5.1	4.6
Thu nhập thứ cấp: Chi	6.7	3.1	1.1	1.0	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)	0.3	(3.5)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)	(0.2)	(0.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	17.9	18.5	5.0	5.2	6.4	4.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)	(2.0)	(1.0)
Đầu tư khác, tài sản có	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)	(4.3)	(3.5)
Đầu tư khác, tài sản nợ	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)	0.4	(2.7)
Lỗi và sai sót	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)	(9.4)	(2.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)	1.7	1.7

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.